



Số: 020935 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17564.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG – VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 23/09/2022
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017 (d)	< 10 CFU/g	26/09/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/10/2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU/g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20 -10- 2022**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 020936 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17565.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG – VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 23/09/2022
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/10/2022
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/10/2022
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/10/2022
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/10/2022
5	Antimon (Sb)	HD.PP.16/TT.AAS (d)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	02/10/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/10/2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

20-10-2022

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17566.22

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG – VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 23/09/2022
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-1/TT.SK	Không phát hiện MLOD = 0,1 µg/kg	26/09/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/10/2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20-10-2022

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17569.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG – VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 02 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 23/09/2022
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (LC/MS/MS) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	28/09/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/10/2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-10-2022**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17567.22



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG – VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 23/09/2022
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	30/09/2022
2	Diminazen	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 25 µg/kg	27/09/2022
3	Doramectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
4	Eprinomectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
5	Imidocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
6	Ivermectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
7	Trichlorfon (Metrifonat)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
8	Ceftiofur	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015,5133 - 5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	27/09/2022
9	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	29/09/2022
10	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	29/09/2022

Mã số mẫu: 17567.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
11	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 995.09 & Ref. Application Note, 2009, 5990-3816 EN, Agilent) (d)	Không phát hiện MLOD = 15 µg/kg	29/09/2022
12	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/09/2022
13	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/09/2022
14	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
15	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
16	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
17	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/09/2022
18	Benzympenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	27/09/2022
19	Procaine benzympenicilin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 1 µg/kg	27/09/2022
20	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/09/2022
21	Pirlimycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	27/09/2022
22	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2019 (Ref. CLG-AMG4.02) (d)	Không phát hiện MLOD = 30 µg/kg	27/09/2022
23	Spiramycin	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	27/09/2022
24	Sulfadimidine	HD.PP.142/TT.SK:2019 (Ref. J.Agric.Food Chem, 2015, 5133-5140) (d)	Không phát hiện MLOD = 7 µg/kg	27/09/2022
25	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	27/09/2022
26	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2020 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 3 µg/kg	29/09/2022
27	Clenbuterol	HD.PP.68/TT.SK (LC/MS/MS) (Ref. Study of β -agonist residues in animal - derived food) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,014 µg/kg	28/09/2022
28	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK:2021 (a)	Không phát hiện MLOD = 10 µg/kg	27/09/2022
29	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	30/09/2022
30	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	30/09/2022
31	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 1,7 µg/kg	30/09/2022

Mã số mẫu: 17567.22

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/10/2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TT-LT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-10-2022**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh





PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 17568.22



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA CHUA ÍT ĐƯỜNG – VINAMILK
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 03 hộp x 100 g
Ngày nhận mẫu : 23/09/2022
Người gửi mẫu : Chu Giang Ngân
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm
Thời gian lưu mẫu: 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlorpyrifos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
2	Diclorvos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
3	Dimethoate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
4	Methidathion	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0005 mg/kg	29/09/2022
5	Chlordane	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	30/09/2022
6	DDT	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	30/09/2022
7	Diphenylamin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0001 mg/kg	29/09/2022
8	Piperonyl butoxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
9	Disulfoton	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
10	Fipronil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
11	Phorate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
12	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	30/09/2022

Mã số mẫu: 17568.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Abamectin	Ref. CLG-MRM1.05	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	29/09/2022
14	Acephate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
15	Aminopyralid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
16	Amitraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
17	2,4-D (Dichlorophenoxyacetic acid)	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
18	Bentazone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
19	Bifenazate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
20	Bitertanol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
21	Carbendazim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
22	Carbosulfan	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
23	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	27/09/2022
24	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/09/2022
25	Chlorpropham	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,00025 mg/kg	29/09/2022
26	Clethodim	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
27	Clofentezine	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
28	Cyhexatin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	29/09/2022
29	Cyprodinil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0002 mg/kg	29/09/2022
30	Cyromazin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
31	Difenoconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	29/09/2022
32	Dimethenamid-p	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
33	Dimethipin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
34	Dimethomorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
35	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,003 mg/kg	27/09/2022
36	Ethoprophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
37	Fenamiphos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0025 mg/kg	29/09/2022
38	Fenbuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh



Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	Fenbutatin oxide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,025 mg/kg	29/09/2022
40	Fenpropimorph	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
41	Fludioxonil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
42	Flutolanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
43	Glufosinat-ammonium	HD.PP.112/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/09/2022
44	Imidacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
45	Indoxacarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
46	Kresoxim-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
47	Methamidophos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
48	Methoxyfenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
49	Myclobutanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
50	Novaluron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,05 mg/kg	29/09/2022
51	Oxydemeton-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
52	Paraquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,0015 mg/kg	27/09/2022
53	Penconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
54	Pirimicarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
55	Pirimiphos-methyl	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
56	Prochloraz	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
57	Profenofos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
58	Propamocarb	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
59	Propiconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
60	Pyraclostrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
61	Pyrimethanil	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
62	Quinoxifen	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
63	Spinosad	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
64	Tebuconazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022

Mã số mẫu: 17568.22

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
65	Tebufenozide	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
66	Terbufos	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
67	Thiacloprid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
68	Triadimefon	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
69	Triadimenol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
70	Trifloxystrobin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
71	Vinclozolin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
72	Dicofol	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
73	Diflubenzuron	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
74	Famoxadone	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
75	Fenhexamid	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	29/09/2022
76	Fenpyroximate	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,002 mg/kg	29/09/2022
77	Flumethrin	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	29/09/2022
78	Flusilazole	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
79	Methoprene	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
80	Propargite	Ref. AOAC 2007.01	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
81	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK (GC-MS/MS)	Không phát hiện MLOD = 0,01 mg/kg	28/09/2022
82	Aldicarb	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
83	Bifenthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
84	Carbaryl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
85	Carbofuran	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
86	Chlorpyrifos	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
87	Cyfluthrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
88	Cypermethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
89	Deltamethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
90	Diazinon	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
91	Endosulfan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	30/09/2022
92	Fenpropathrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
93	Fenvalerate	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
94	Heptachlor	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,00033 mg/kg	30/09/2022
95	Lindan	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022
96	Methomyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
97	Oxamyl	HD.PP.134-1/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,005 mg/kg	29/09/2022
98	Permethrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (d)	Không phát hiện MLOD = 0,0017 mg/kg	30/09/2022

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Khách hàng cung cấp tên mẫu chính thức ngày 19/10/2022.
- Quá thời hạn lưu mẫu, VYTCC không giải quyết việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (d) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Công Thương chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **20-10-2022**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh